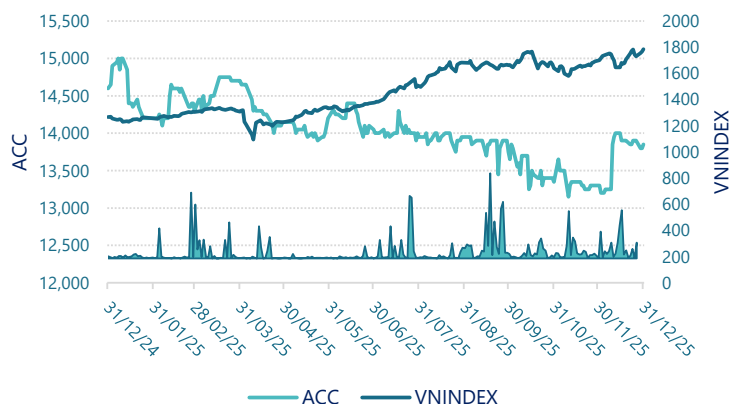


CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,150
SL cổ phiếu LH	104,999,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,445
% sở hữu nước ngoài	7.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,454
P/E	27.9
EPS	496

DT thuần

Q4/25

112

tỷ VNĐ

QoQ: ▼217 | -66.0%

YoY: ▼158 | -58.6%

LN sau thuế

Q4/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.2 | -57.4%

YoY: ▼4.00 | -27.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.3%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

2025

769

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.0 | 9.8%

LN sau thuế

2025

52.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.30 | 0.6%

ROE

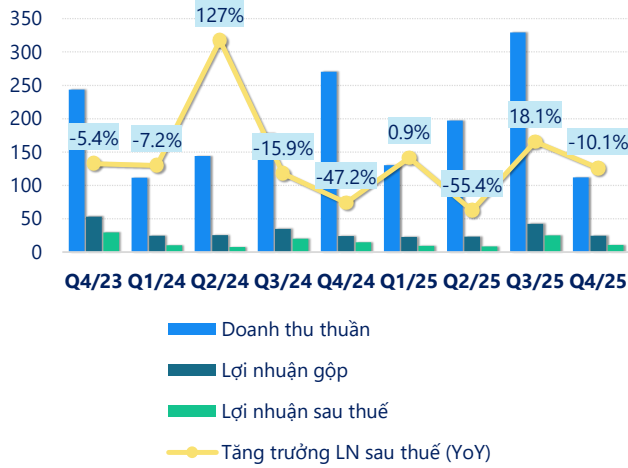
2025

3.8%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

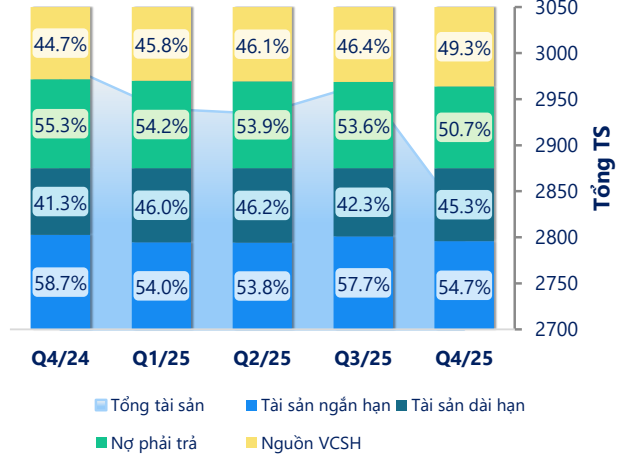
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

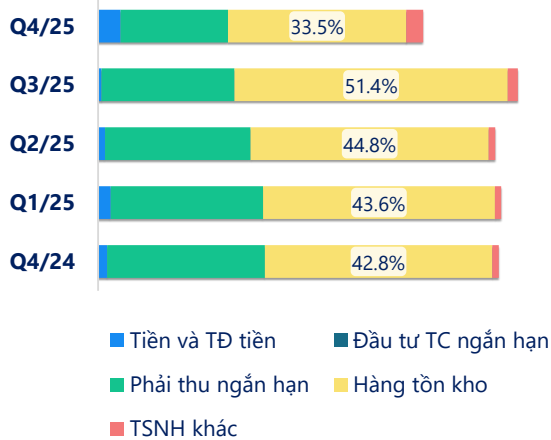
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



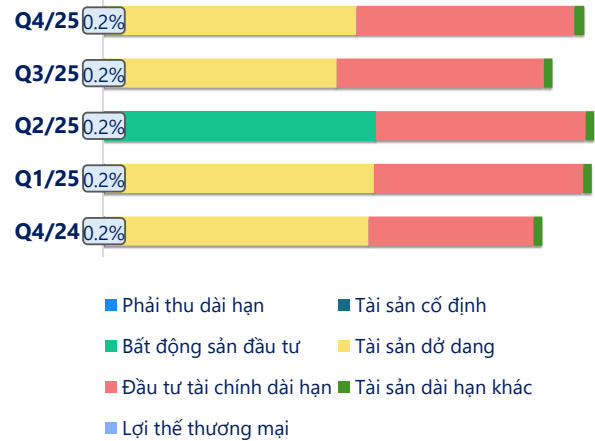
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

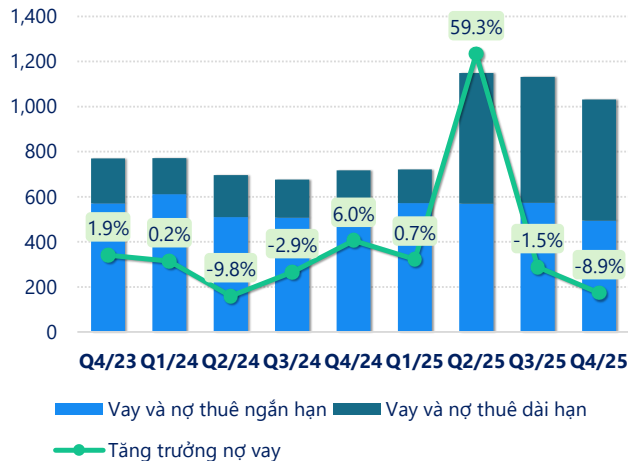
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

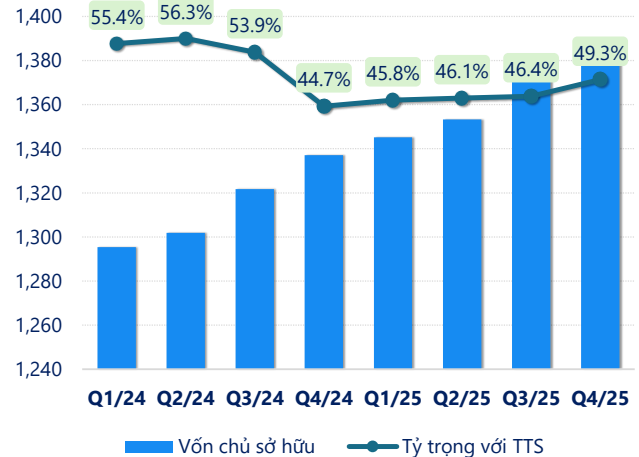
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

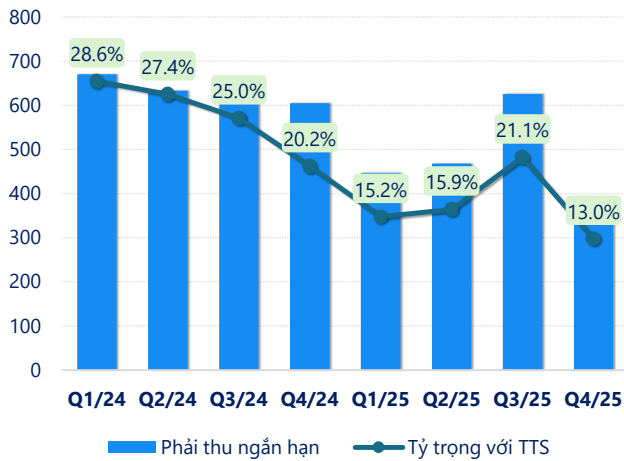
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

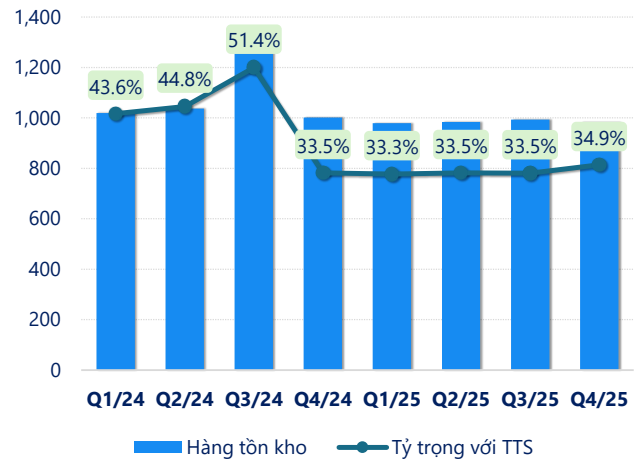
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

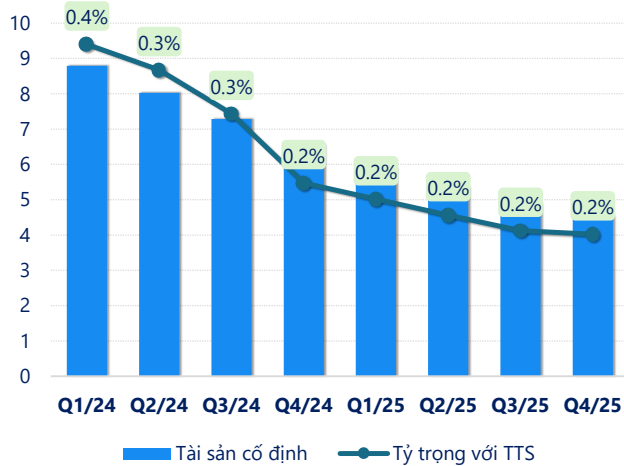
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

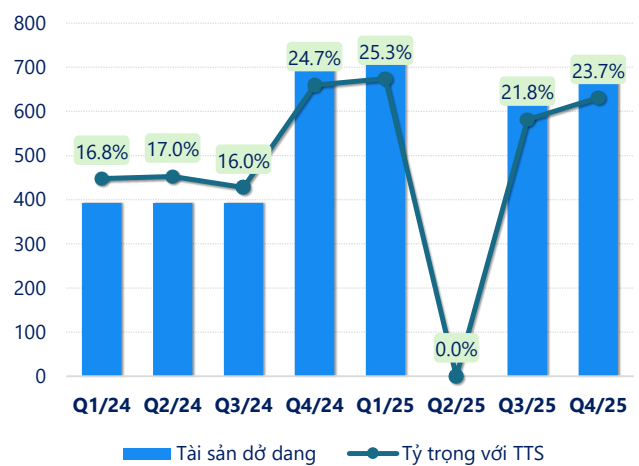
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

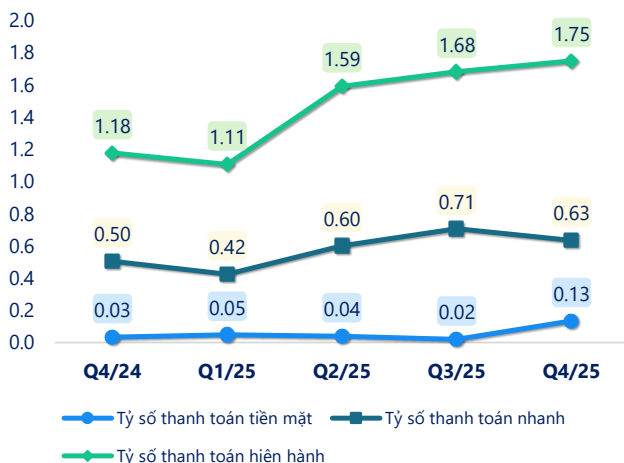
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,989	2,940	2,934	2,967	2,819
Tài sản ngắn hạn	1,753	1,588	1,579	1,713	1,543
Tiền và tương đương tiền	50.8	70.0	39.1	19.8	118
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	605	447	468	626	367
Hàng tồn kho	1,002	979	983	993	983
Tài sản ngắn hạn khác	96.0	91.6	88.8	74.1	73.8
Tài sản dài hạn	1,235	1,352	1,355	1,254	1,276
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	6.54	5.90	5.36	4.89	4.54
Bất động sản đầu tư	0	0	748	0	0
Tài sản dở dang	740	743	0	647	667
Đầu tư tài chính dài hạn	464	578	578	578	578
Tài sản dài hạn khác	25.2	24.2	23.9	23.6	26.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,652	1,595	1,581	1,589	1,431
Nợ ngắn hạn	1,491	1,436	992	1,018	882
Vay và nợ thuê ngắn hạn	565	572	569	573	493
Phải trả người bán ngắn hạn	797	795	338	346	346
Nợ dài hạn	161	158	589	570	549
Vay và nợ thuê dài hạn	152	149	580	559	538
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,337	1,345	1,353	1,378	1,389
Vốn chủ sở hữu	1,337	1,345	1,353	1,378	1,389
Vốn điều lệ	1,050	1,050	1,050	1,050	1,050
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)